

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2025
Về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Thủy.
- *Các hội thẩm nhân dân*
 1. Ông Nguyễn Hồng Hải.
 2. Bà Nguyễn Thị Thanh.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên tòa:*
Bà Ma Thị Huyền Trang.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 25/2025/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1995;
Địa chỉ: Xóm NR, xã TK, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.
- **Bị đơn:** Anh Vũ Công T, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Tổ dân phố TX 4, phường TT, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Công T tự nguyện kết hôn với nhau từ tháng 09 năm 2016, đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Trung Thành vào ngày 13/9/2016, (số đăng ký kết hôn 49). Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu, ở chung cùng gia đình anh T. Tình cảm vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ

chồng bất đồng về quan điểm sống và cách sống nên vợ chồng không tìm được Tg nói chung và thường xuyên xảy ra cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, không có hạnh phúc nhưng vì đã có con chung nên chị vẫn cố chịu đựng nhưng cho đến tháng 01 năm 2025 chị không thể chịu đựng được nữa nên đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là: Vũ Công M, sinh ngày 11/01/2017. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu M và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị H xác định, trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung và khoản cho vay chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã T hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Vũ Công T các văn bản của Tòa án như: Thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Khi Tòa án đến làm việc tại nhà, anh T không có ở nhà, bố đẻ của anh T là ông Vũ Công Chiến nhận thay các văn bản trên và cam kết sẽ giao cho anh T, Tòa án đã T hành thông báo trực tiếp qua điện thoại cho anh T nhưng đến nay anh T vẫn không đến Tòa án để làm việc.

Quá trình làm việc bố đẻ của anh T là ông Vũ Công C cung cấp thông tin, anh Vũ Công T và chị Trần Thị H là vợ chồng, anh chị kết hôn từ 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TT, thành phố Phổ Yên. Sau khi cưới chị H về nhà ông làm dâu, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng một năm gần đây thì có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhưng nguyên nhân cụ thể thì ông không biết. Từ trước Tết Nguyên đán năm 2025 chị H đã bỏ về nhà ngoại sinh sống, thỉnh thoảng đi lại thăm con. Việc chị H làm đơn ly hôn thì anh T đã biết và có nói lại là đồng ý ly hôn nhưng sẽ không lên toà án để giải quyết, đề nghị toà án giải quyết theo quy định. Quá trình sinh sống anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Công Minh, sinh ngày 11/01/2017, khi anh T chị H ly hôn tuy anh T chưa đảm bảo có thể nuôi con nhưng ông bà rất muốn nuôi cháu và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay không có.

Toà án T hành xác minh thông tin của anh Vũ Công T tại Công an phường TT, thành phố Phổ Yên và được cung cấp thông tin: Anh Vũ Công T là công dân có hộ khẩu thường trú tại phường Trung Thành, thành phố Phổ Yên. Anh T đã có 03 lần đi chấp hành án phạt tù liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản vào các năm 2011, 2014 và 2020.

Phản tranh luận: Nguyên đơn chị H giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T; về con chung, chị H yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng T nuôi con; về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân & gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị H. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Vũ Công T.

Về con chung: Giao cháu Vũ Công M, sinh ngày 11/01/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T đến khi chị H có yêu cầu, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở; về tài sản chung, nợ chung, khoản cho vay chung: Không có nên không xem xét giải quyết; về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để nộp Ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng - Thụ lý đơn khởi kiện: Ngày 14/02/2025 chị H nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Tòa án đã có Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí ngày 14/02/2025, cùng ngày chị H đã nộp lại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án, đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 191 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng, việc không T hành hòa giải được và sự vắng mặt của bị đơn anh T tại phiên tòa: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã T hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh T và báo anh T, chị H đến Tòa án để T hành hòa giải. Tuy nhiên anh T không đến Tòa án để trình bày quan điểm về việc chị H xin ly hôn anh cũng như tham gia phiên hòa giải, phía chị H có đơn yêu cầu Tòa án không T hành phiên hòa giải, Tòa án đã lập biên bản không T hành phiên hòa giải được là phù hợp với quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn anh Vũ Công T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Anh T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh T vẫn không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, thể hiện sự không tôn trọng hôn nhân của chính anh chị cũng như không chấp hành quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật và cũng để đảm bảo quyền lợi cho chị H.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” giữa nguyên đơn là chị Trần Thị H và bị đơn là anh Vũ Công T. Anh T có hộ khẩu thường trú và hiện đang ở tại Tổ dân phố Thanh Xuyên 4, phường Trung Thành, thành phố Phổ Yên. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[4]. Về sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án T hành biện pháp thu thập chứng cứ nên nên Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng quy định của pháp luật.

[5]. Về nội dung:

[5.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Vũ Công T có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh T làm dâu và chung sống với gia đình anh T. Vợ chồng chung sống hoà thuận được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cuộc sống của vợ chồng trở nên căng thẳng và không còn hạnh phúc. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh T nữa nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về phía anh T: Trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, do anh T không có nhà nên bố để anh T đã nhận thay và cam kết giao tận tay các văn bản tố tụng của Toà án cho anh T, tuy nhiên anh T vẫn không đến Tòa án để làm việc cũng như trình bày quan điểm về việc chị H xin ly hôn anh. Qua đó thể hiện việc anh T không tôn trọng pháp luật cũng như không tôn trọng chính hôn nhân của anh chị.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét thấy có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ chung sống với nhau...*”. Tại phiên tòa, cho thấy thái độ cương quyết ly hôn của chị H đối với anh T và chị khẳng định không còn tình cảm gì với anh T.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là Vũ Công M, sinh ngày 11/01/2017. Nay ly hôn chị H đề nghị được nuôi dưỡng

con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết anh T không thể hiện quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của chị H là chính đáng, chị H hiện có công việc và thu nhập ổn định, con chung cũng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, nên cần giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[5.3]. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là ý chí tự nguyện của chị H nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi chị H có yêu cầu.

[5.4]. Về tài sản chung, nợ chung và khoản cho vay chung: Chị H xác định không có, anh T không thể hiện quan điểm nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án này.

[5.5]. Về án phí: Nguyên đơn chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật về nộp Ngân sách Nhà nước.

[5.6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273, 264, 266, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” của chị Trần Thị H đối với anh Vũ Công T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Vũ Công T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Công M, sinh ngày 11/01/2017 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con và không ai được cản trở. Cha, Mẹ, trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi chị H có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung và khoản cho vay chung: Chị H xác định trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có, nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0001456 ngày 14/02/2025.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các Đương sự
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- UBND P. TT;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ TÊN)**

Hà Thị Thu Thủy